CHIỀU TỐI

(*Mộ* – HỒ CHÍ MINH)

I – BÀI TẬP

1. Câu hỏi 1, sách giáo khoa, trang 76.

2. Bài thơ tả cảnh chiều tối. Từ câu 1 đến câu 4, thời khắc chuyển từ chiều muộn tới tối hẳn. Tác giả đã dùng những thủ pháp nghệ thuật gì khiến người đọc nhận biết được như vậy ?

3. Bài thơ vừa tả ngoại cảnh, vừa biểu hiện tâm cảnh của nhà thơ. Hãy phân tích diễn biến "tâm cảnh" của tác giả.

4. Người ta nói thơ Hồ Chí Minh bài nào cũng có "chất thép". Theo anh (chị), "chất thép" trong bài *Chiều tối* thể hiện như thế nào ?

5. Câu hỏi 4, sách giáo khoa, trang 76.

II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Trước hết phải hiểu hoàn cảnh của tác giả, sau đó mới quan sát cảnh thiên nhiên trong bài thơ và phân tích nghệ thuật diễn tả của nhà thơ.

a) Hoàn cảnh của tác giả lúc *Chiều tối* :

– Đây là cảnh ngoài nhà tù, vậy tất nhiên là Hồ Chí Minh chỉ có thể quan sát được trên đường chuyển lao.

– Thường Hồ Chí Minh bị giải đi từ sáng sớm (*Giải đi sớm*), vậy lúc *Chiều tối* tất nhiên là đã ở cuối hành trình chuyển lao và Người đã phải qua một ngày đường vất vả.

– *Chiều tối* (*Mộ*) tức là chiều muộn, trời đang chuyển sang tối hẳn, và qua bài thơ, ta biết nhà thơ đang đứng giữa cảnh núi rừng (*chim mỏi về rừng, cô em xóm núi*).

b) Hãy đặt mình vào hoàn cảnh của nhà thơ như thế để nhận xét nghệ thuật miêu tả thiên nhiên trong bài *Chiều tối*.

– Giữa chốn núi rừng, tất nhiên bốn phía chân trời đều bị che khuất, ánh sáng cuối cùng của một ngày tàn chỉ có thể nhìn thấy trên đỉnh trời để nhận ra một cánh chim bay về rừng và một chòm mây lững lờ trôi qua. Nhưng khi trời tối hẳn, nghĩa là khi ánh sáng của thiên nhiên không còn nữa, thì con mắt nhà thơ tự nhiên phải hướng về nơi có ánh lửa của con người ở những thôn xóm quanh vùng. Ấy là lò lửa rực hồng của nhà ai bên xóm núi : "Cô em xóm núi xay ngô tối - Xay hết, lò than đã rực hồng".

c) Vậy là thoạt đầu đọc bài thơ ta tưởng như tác giả tả cảnh theo công thức ước lệ : chiều thì chim bay về tổ, chòm mây lững lờ bay ngang trời. Hai hình ảnh này thường thấy trong thơ cổ khi tả cảnh chiều "Chim hôm thoi thót về rừng" (Nguyễn Du), "Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi" (Bà Huyện Thanh Quan), v.v. Nhưng đặt trong hoàn cảnh cụ thể của nhà thơ thì thấy tác giả mô tả cảnh thiên nhiên một cách chính xác, tự nhiên, đúng như cảnh thật mà mình quan sát được chứ không gò theo công thức ước lệ.

2. Bài thơ dịch có câu "Cô em xóm núi xay ngô tối". Thực ra câu thơ thứ ba này trong nguyên tác không có chữ *tối* ("Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc" : Cô gái ở xóm núi xay ngô).

Như thế là tác giả không hề nói đến sự vận chuyển của thời khắc mà tả được sự vận chuyển ấy. Khi trời còn ánh sáng thì nhìn lên cao thấy chim và mây bay qua, khi trời tối hẳn thì thấy lò lửa ở xóm núi rực sáng (trời chưa tối thì không thể nhìn thấy ánh lửa ở tận một xóm núi nào đó).

Vậy là không nói tối mà tả được trời tối – tác giả dùng ánh sáng để tả bóng tối. Đây là một thủ pháp nghệ thuật, mượn cái này để tả cái kia – "Vẽ mây nẩy trăng", "Hoạ vân hiển nguyệt", lấy động tả tĩnh, lấy sáng tả tối,...

3. Muốn hiểu "tâm cảnh" của tác giả thì phải biết rõ cảnh ngộ cụ thể của nhà thơ, sau đó tìm hiểu bài thơ trong quan hệ với cảnh ngộ ấy.

a) Cảnh ngộ của nhà thơ

– Sau một ngày đường vất vả (có thể lấy dẫn chứng ngay trong *Nhật kí trong tù*, như các bài *Mới đến nhà lao Thiên Bảo* hay *Đi Nam Ninh*, v.v.).

– Vất vả như thế nhưng cái gì chờ đợi người tù sau một ngày bị đày ải ? Chính tác giả đã nói rõ trong các tác phẩm của mình (có thể lấy dẫn chứng ở các bài *Đêm ngủ ở Long Tuyền* hay *Mới đến nhà lao Thiên Bảo*, v.v.).

– Xa Tổ quốc, ở nơi đất khách quê người, cách biệt với đồng bào, đồng chí ; yêu cầu của cách mạng rất khẩn trương mà người đứng đầu lại bị giam giữ không biết đến bao giờ ; cảnh núi rừng vắng vẻ vào lúc chiều muộn càng dễ gợi nỗi buồn,...

b) Diễn biến tâm trạng của nhà thơ

– Hai câu đầu với các chi tiết : "Quyện điểu" (Chim mỏi mệt) và "Cô vân mạn mạn" (Chòm mây cô đơn trôi lững lờ), đúng là có tính chất công thức ước lệ thường thấy ở thơ cổ để tả cảnh chiều, nhưng cũng rất phù hợp với tâm sự nhà thơ.

– Nhưng hai câu cuối lại có hình ảnh "lò than rực đỏ" và "cô gái xay ngô" xua tan đi cái lạnh lẽo, cô quạnh của núi rừng cũng như trong lòng người, thể hiện niềm vui của nhà thơ sẵn sàng chia sẻ với niềm vui giản dị đời thường của người dân lao động, quên hẳn cảnh ngộ riêng của mình không có gì đáng vui cả.

Có thể gọi đây là tinh thần nhân đạo đến mức quên mình.

4. Muốn hiểu "chất thép" ở bài thơ phải đặt nó trong hoàn cảnh cảm hứng cụ thể. Hoàn cảnh nhà thơ rất khổ cực, vậy mà Người vẫn ung dung ngắm cảnh và làm thơ. Đấy là "chất thép" kiên cường. Tố Hữu nói rất đúng :

Lại thương nỗi : đoạ đày thân Bác
Mười bốn trăng tê tái gông cùm
Ôi chân yếu, mắt mờ, tóc bạc
Mà thơ bay... cánh hạc ung dung !

(*Theo chân Bác*)

5. Bài thơ một mặt có màu sắc cổ điển : bút pháp chấm phá vài nét đơn sơ cốt ghi lấy linh hồn của tạo vật.

Sử dụng những hình ảnh quen thuộc của cổ thi, không khác gì sự sử dụng ước lệ trong thơ cổ.

Nhưng mặt khác lại có tinh thần hiện đại :

– Quan hệ giữa con người với thiên nhiên khác cổ thi. Con người, sự sống, ngọn lửa của con người là trung tâm của bức tranh thiên nhiên. Con người không ẩn đi mà hiện ra, con người là chủ thể trong bức tranh đó.

– Tâm hồn nhà thơ hướng về sự sống và ánh sáng, thể hiện tinh thần lạc quan cách mạng trong bất kì tình huống nào.